

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2026/DS-ST

Ngày: 14-9-2026.

Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 514/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229A/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân S; chức vụ: Trưởng Phòng cao cấp Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân của V1.

Ông Hà Xuân S uỷ quyền lại cho: Bà Nguyễn Võ Thùy L là cán bộ V1; địa chỉ liên hệ: Số D B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. “Có đơn xin vắng mặt”

2. Bị đơn: Ông Trần Trung C, sinh năm 1989; CCCD số 077089000831, cấp ngày 24/3/2017.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số B, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 06/01/2021, ông Trần Trung C có ký với Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V1) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ (gọi là hợp đồng), cụ thể như sau:

Số tiền cho vay: 73.500.000 đồng;

Giải ngân ngày: 11/01/2021;

Mục đích vay: Vay tiêu dùng và mua bảo hiểm;

Thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 11/01/2021 đến ngày 11/01/2024);

Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Tối đa 44%/năm, được cố định trong suốt thời hạn vay;

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tính đến ngày 14/9/2026, ông Trần Trung C đã thanh toán cho V1 số tiền là 32.527.356 đồng. Trong đó: Nợ gốc đã thanh toán là 14.536.903 đồng; nợ lãi trong hạn đã thanh toán là 17.990.453 đồng và nợ lãi quá hạn đã thanh toán là 00 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trần Trung C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V1. V1 đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông Trần Trung C thanh toán nợ, nhưng đến nay ông Trần Trung C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1. Kể từ ngày 11/3/2022, V1 đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khoản vay nêu trên thành nợ quá hạn (số ngày quá hạn tạm tính đến ngày 14/9/2026 là 1.649 ngày) và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay.

Tạm tính đến ngày 14/9/2026, ông Trần Trung C còn nợ V1 tổng số tiền là 251.556.166 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là 58.963.097 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.779.653 đồng và nợ lãi quá hạn là 175.813.416 đồng.

V1 yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Trung C phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2026 là 251.556.166 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Yêu cầu ông Trần Trung C tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay nêu trên, kể từ ngày 15/9/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V1.

Bị đơn ông Trần Trung C vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 514/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập ông C đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích cho

mình. Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Trần Trung C trả cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2026 là 251.556.166 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho V1 kể từ ngày 15/9/2026 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn V1 là bà Nguyễn Võ Thùy L có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Trần Trung C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên tòa sơ thẩm mở ngày 27/8/2026 và ngày 14/9/2026 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Võ Thùy L và ông Trần Trung C theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ.

Căn cứ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2101063246943, ngày 06/01/2021 giữa V1 và ông Trần Trung C, có căn cứ xác định V1 đã giải ngân cho ông Trần Trung C vay số tiền 73.500.000 đồng vào ngày 11/01/2021, với lãi suất tối đa 44%/năm và được cố định trong suốt thời hạn vay; thời hạn vay 36 tháng, từ ngày 11/01/2021 đến ngày 11/01/2024; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được giải ngân và trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Trung C đã thanh toán cho V1 số tiền 32.527.356 đồng (Nợ gốc đã trả 14.536.903 đồng; nợ lãi trong hạn đã trả 17.990.453 đồng). Nhưng, sau đó ông Trần Trung C

không tiếp tục trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V1 nên V1 đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khoản vay thành nợ quá hạn kể từ ngày 11/3/2022.

Tính đến ngày 14/9/2026, ông Trần Trung C còn nợ V1 số tiền 251.556.166 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là 58.963.097 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.779.653 đồng và nợ lãi quá hạn là 175.813.416 đồng

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông C không đến Tòa án tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là từ bỏ quyền chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hợp đồng cho vay giữa V1 và ông Trần Trung C số LN2101063246943, ngày 06/01/2021 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Trung C có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2026 là 251.556.166 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Về lãi suất: Kể từ ngày 15/9/2026, ông Trần Trung C có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh cho V1 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 06/01/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm.*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể:

Bị đơn ông Trần Trung C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền 251.556.166 đồng là 12.578.000 đồng (đã làm tròn số).

Trả lại cho nguyên đơn V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.705.440 đồng.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Trần Trung C.

Buộc ông Trần Trung C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 14/9/2026 là 251.556.166 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là 58.963.097 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn không trăm chín mươi bảy đồng); nợ lãi trong hạn là 16.779.653 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng) và nợ lãi quá hạn là 175.813.416 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm mười ba nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày 15/8/2026, ông Trần Trung C tiếp tục phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 06/01/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Trung C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.578.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.705.440 đồng (Năm triệu bảy trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0040570 ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 13-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM (Phòng THADS khu vực 13-Tp.HCM);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duy

